

CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I KHỐI 1,2,3

Năm học :	2022-2023
Trường :	Tiểu học Đức Chính

1. Chất lượng giáo dục Cuối kì 1

	Tổng số học sinh	1A				1B				2A				2B				3A				3B				
		Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số			
			%	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật		%	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật		%	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật		%	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật		%	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																										
1. Tiếng Việt	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	65	9	30			5	17			7	21			10	36			18	50		1		16	42,1		
Hoàn thành	123	20	67			24	83			22	67			17	61			18	50		1		22	57,9		
Chưa hoàn thành	6	1	3							4	12			1	4											
2. Toán	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	77	19	63			14	48			13	40			17	61			11	30		2		3	7,9		
Hoàn thành	105	10	34			15	52			17	52			9	32			25	70				29	76,3		
Chưa hoàn thành	12	1	3							3	8			2	7								6	15,8		
3. Đạo đức	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	107	10	33			14	48			18	55			18	64			30	84		2		17	44,7		
Hoàn thành	87	20	67			15	52			15	45			10	36			6	16				21	55,3		
Chưa hoàn thành	0																									
4. Tự nhiên và Xã hội	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	105	12	39			16	55			15	45			18	64			27	75		2		17	44,7		
Hoàn thành	89	18	61			13	45			18	55			10	36			9	25				21	55,3		
Chưa hoàn thành	0																									
5. Tiếng Anh	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	70	13	42			7	24							22	79			13	36				15	39,4		
Hoàn thành	111	16	55			19	65			28	85			6	21			21	64		2		21	55,3		
Chưa hoàn thành	13	1	3			3	11			5	15							2					2	5,3		
6. Tin Học	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	63	12	39			9	31			16	48			14	50			8	78		1		4	10,5		
Hoàn thành	125	17	58			20	69			17	52			14	50			28	22		1		29	76,3		
Chưa hoàn thành	6	1	3																				5	13,1		
7. Giáo dục thể chất	194	30				29				33				28				36		2	2		38			1
Hoàn thành tốt	106	10	33			13	45			20	60			18	64			28	78	1	1		17	44,7		
Hoàn thành	88	20	67			16	55			13	40			10	36			8	22	1	1		21	55,3		

[illegible]

[illegible]

Tốt	113	10	33				13	45				20	61				17	61				28	78			1		25	65,7			
Đạt	81	20	67				16	55				13	39				11	39				8	22			1		13	34,3			
Cần cố gắng	0																															
IV. Kết quả giáo dục	194	30					29					33					28															
Hoàn thành xuất sắc	32	8	27				3	11				5	15				10	36				5	14				1	2,6				
Hoàn thành tốt	86	12	40				14	48				10	30				7	25				24	67	2	2		19	50				
Hoàn thành	58	9	30				12	41				13	40				9	32				5	14				10	26,3				
Chưa hoàn thành	18	1	3									5	15				2	7				2	5				8	21				
V. Khen thưởng	194	30					29					33					28															
HS xuất sắc	32	8	27				3	11				5	15				10	36				5	14				1	2,6				
HS tiêu biểu	86	12	40				14	48				10	30				7	25				24	67	2	2		19	50				
Khen thưởng đột xuất	0																															

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xâm